CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số: 152 - 2026/**KQ**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày : 01/07/2026

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Tuy Hòa
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 21B01/26
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 18/06/2026
6. Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 18/06/2026 đến ngày 29/06/2026
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	7,19
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,17
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,04
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	17,01
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	36,93
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	< LOQ = 3,78
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	71
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,50
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	< LOQ = 3,35
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	< LOQ = 0,027
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	1,32
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,83
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Võ Bá Duy Huân	Trần Quang Vinh

Ghi chú:
- (*)Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số: 153 - 2026/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày : 01/07/2026
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Công ty Bia Massan Brewery
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : $22M_1 01/26$
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 18/06/2026
6. Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 18/06/2026 đến ngày 29/06/2026
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	7,10
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,15
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	< LOQ = 0,035
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	16,34
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	36,17
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	< LOQ = 3,78
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	72
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,45
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	< LOQ = 3,35
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	< LOQ = 0,027
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	1,32
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,37
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Võ Bá Duy Huân	Trần Quang Vinh

Ghi chú:
- (*)Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số: 154 - 2026/**KQ**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày : 01/07/2026
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Công ty Bia Sài Gòn
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : $23M_1 01/26$
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 18/06/2026
6. Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 18/06/2026 đến ngày 29/06/2026
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	7,06
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,20
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,04
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	17,68
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	37,71
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	< LOQ = 3,78
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	75
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,53
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	< LOQ = 3,35
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	< LOQ = 0,027
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	1,23
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,55
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Khuân	Võ Bá Duy Huân	Trần Quang Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN - P. TUY HÒA - TỈNH ĐẮK LẮK

Ghi chú:
- (*)Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số:155 - 2026/**KQ**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày : 01/07/2026
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyến Quốc Lộ 1A, Phường Đông Hoà
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 24M$_1$01/26
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 18/06/2026
6. Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 18/06/2026 đến ngày 29/06/2026
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	7,21
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,19
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,05
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	15,66
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	37,96
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	< LOQ = 3,78
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	77
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,58
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	< LOQ = 3,35
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	< LOQ = 0,027
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	1,39
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,41
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Võ Bá Duy Huân	Trần Quang Vinh

Ghi chú:
- (*)Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử